

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-PT

Ngày 24-12-2021

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương
Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Lê Thanh Loan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19 tháng 5 và ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2021/QĐ-PT ngày 02/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 62/2021/QĐ-PT ngày 27/4/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 21/2021/QĐPT-DS ngày 19/5/2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 475/TB-TA ngày 20/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 91/2021/QĐ-PT ngày 17/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 118/2021/QĐ-PT ngày 17/9/2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 663/TB-TA ngày 28/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 141/2021/QĐ-PT ngày 25/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 156/2021/QĐ-PT ngày 18/11/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 824/TB-TA ngày 08/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T - sinh năm 1971; cư trú tại thôn 06, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến N - sinh năm 1995 và chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Số 276 đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2020 và ngày 13/5/2021).

- *Bị đơn*: Ông Phan Ngọc H - sinh năm 1946 và bà Thới Thị H1 - sinh năm 1949; cư trú tại thôn An Cư, xã Nghĩa Thắng, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Phan Ngọc T – sinh năm 1984; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số D607, chung cư EHOME 2, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Căn hộ 8.03, chung cư Phố Đông, đường D31, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Hữu D - sinh năm 1968; cư trú tại thôn 06, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo*: Ông Phan Ngọc H và bà Thới Thị H1 là bị đơn.

(Chị H, anh T có mặt; anh N, ông D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 29/5/2020, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Ngày 04/12/2015, ông Phan Ngọc H viết Giấy mượn tiền của bà Trần Thị T với số tiền là 385.000.000 đồng với mục đích để đáo hạn Ngân hàng; thời hạn vay là 04 ngày, kể từ ngày ký Giấy mượn tiền. Đến hạn ông H không trả nợ, nên ngày 06/01/2016 ông H cùng vợ là bà Thới Thị H1 đã chuyển nhượng thửa đất số 1001, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.150m² tại thôn An Bình, xã Nghĩa Kỳ, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 1001) cho bà T và ông Nguyễn Hữu D với số tiền 75.000.000 đồng nhằm cản trừ một phần nợ. Như vậy, ông H và bà H1 còn nợ bà T số tiền 310.000.000 đồng.

Nay, bà T yêu cầu ông H, bà H1 phải trả cho bà T 310.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 10/12/2015 đến ngày 10/9/2020 với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 146.661.000 đồng (310.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 57 tháng), tổng nợ gốc và lãi là 456.661.000 đồng (310.000.000đ + 146.661.000đ).

** Tại biên bản làm việc ngày 17/7/2020 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Phan Ngọc H, bà Thới Thị H1 cùng trình bày:*

Ông, bà có vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch xã N (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 400.000.000 đồng; tài sản thế chấp là thửa 1001. Đến hạn trả nợ, ông bà còn nợ Ngân hàng 350.000.000 đồng, nhưng không có tiền trả. Ngày 04/12/2015, ông có vay của bà Trần Thị T số tiền 385.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Sau đó, ông bà làm thủ tục

đề nghị Ngân hàng cho vay lại để trả nợ cho bà T, nhưng Ngân hàng không đồng ý vì ông, bà đã lớn tuổi.

Đến hạn trả nợ cho bà T, nhưng ông bà không có tiền trả, nên bà T nói với ông, bà sang tên thửa 1001 cho bà T đứng tên; bà T sẽ đứng ra vay tiền giúp cho ông, bà tại một Ngân hàng khác với số tiền là 600.000.000 đồng; bà T sẽ trừ 385.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi, còn bao nhiêu ông, bà nhận; đồng thời ông, bà có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng 600.000.000 đồng. Nghe vậy, ông bà đồng ý lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa 1001 cho bà T đứng tên với giá 75.000.000 đồng, được Văn phòng Công chứng Thủy Tùng công chứng ngày 06/01/2016, nhưng thực tế ông bà không nhận số tiền 75.000.000 đồng từ bà T như nội dung hợp đồng chuyển nhượng thể hiện, mà chỉ làm thủ tục để bà T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ), nhưng khi bà T đứng tên trong GCNQSDĐ thì bà T không vay số tiền 600.000.000 đồng tại Ngân hàng như thỏa thuận, mà bà T lại chuyển nhượng thửa 1001 cho người khác.

Nay, bà T yêu cầu ông, bà trả cho bà T tổng số tiền 456.661.000 đồng, thì ông bà không đồng ý. Nếu bà T muốn ông, bà trả số tiền nợ trên, thì bà T phải trả lại GCNQSDĐ thửa 1001 cho ông, bà.

** Tại bản trình bày ngày 04/8/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu D trình bày:*

Bà Trần Thị T là vợ của ông. Việc vay mượn tiền giữa bà T với ông Phan Ngọc H, bà Thới Thị H1 thì ông không biết. Tiền bà T cho ông H, bà H1 là tiền riêng của bà T, không liên quan đến ông nên ông không yêu cầu ông H, bà H1 trả nợ cho ông. Việc ông có tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 1001 vào ngày 06/01/2016 là để ông H, bà H1 cản trừ nợ cho bà T, không liên quan đến ông, nên ông không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền trên.

** Bản án số 07/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, buộc ông Phan Ngọc H, bà Thới Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền 310.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T, buộc ông Phan Ngọc H, bà Thới Thị H1 phải trả 146.661.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 26/10/2020, ông Phan Ngọc H và bà Thới Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

* Tại Biên bản làm việc ngày 02/4/2021, ông H xác định nội dung kháng cáo, cụ thể: Ông không đồng ý trả cho bà T 310.000.000 đồng vì bà T đang đứng tên quyền sử dụng đất thửa 1001 của ông; ông yêu cầu bà T phải trả lại quyền sử dụng đất thửa

1001 cho ông thì ông sẽ trả cho bà T số tiền 385.000.000 đồng và tiền lãi từ trước đến nay.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu D không tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của bị đơn là ông Phan Ngọc H, bà Thới Thị H1 là kháng cáo quá hạn theo quy định tại Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng việc gửi đơn quá hạn là có lý do chính đáng đã được giải quyết tại Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 04/2020/QĐ-PT ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân huyện T tuyên án vụ án nêu trên, ông Phan Ngọc H có mặt, bà Thới Thị H1 vắng mặt không có lý do. Ngày 26/10/2020, ông H và bà H1 có đơn kháng cáo là quá thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông H và bà H1 kháng cáo quá hạn là có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét kháng cáo quá hạn đã chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của ông H, bà H1.

[1.2] Anh Nguyễn Tiến N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Phan Ngọc H, bà Thới Thị H1:

[2.1] Theo Giấy mượn tiền đề ngày 04/12/2015 thể hiện ông H có vay của bà Trần Thị T số tiền 385.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay là 04 ngày,

kể từ ngày ký Giấy mượn tiền. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Phan Ngọc T thừa nhận ông H, bà H1 có vay của bà T số tiền 385.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng và chưa trả số tiền trên cho bà T; thừa nhận ông H, bà H1 có lập hợp đồng chuyển nhượng thửa 1001 cho bà T với giá 75.000.000 đồng, nhưng bị đơn cho rằng thực tế không có việc chuyển nhượng thửa 1001 vì bị đơn không nhận tiền chuyển nhượng từ bà T; mục đích bị đơn chuyển nhượng thửa 1001 cho bà T là để nhờ bà T đứng tên giúp vay tiền Ngân hàng cho bị đơn, để bị đơn có tiền trả nợ cho bà T, vì bị đơn đã lớn tuổi, nên Ngân hàng không cho vay lại. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bị đơn là có căn cứ và không được bà T thừa nhận.

[2.2] Về phía bà T thì cho rằng, do ông H và bà H1 không có tiền trả cho bà nên đồng ý chuyển nhượng thửa 1001 với giá 75.000.000 đồng để trừ nợ, hiện ông H và bà H1 còn nợ bà số tiền 310.000.000 đồng.

[2.3] Tại phiên tòa ngày 19/5/2021, anh T trình bày: Vào tháng 9/2019, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và nợ lãi, tổng cộng là 500.000.000 đồng; nguyên đơn có trách nhiệm làm thủ tục hoàn trả lại cho bị đơn thửa 1001, nội dung thỏa thuận này anh đã ghi âm trong điện thoại và chép vào USB, hiện anh đang lưu giữ USB này. Ngày 20/5/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Thông báo số 296/TB-TA yêu cầu anh T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc thỏa thuận nêu trên, nhưng đến nay anh T cũng không cung cấp được và nguyên đơn cũng không thừa nhận lời trình bày nói trên của bị đơn, nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của anh T.

[2.4] Tại phiên tòa hôm nay, anh T thừa nhận không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông H, bà H1 không chuyển nhượng thửa 1001 cho bà T, nhưng anh T cho rằng tại thời điểm ông H, bà H1 chuyển nhượng thửa 1001 thì giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường khoảng 500.000.000 đồng, nhưng trong hợp đồng thể hiện giá chuyển nhượng thửa 1001 là 75.000.000 đồng, là không phù hợp. Tuy nhiên, anh T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa 1001 tại thời điểm chuyển nhượng vào năm 2016 là 500.000.000 đồng.

[2.5] Sau khi ngừng phiên tòa vào ngày 19/5/2021, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, cụ thể: Tại văn bản số 96/UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Nghĩa Kỳ về việc cung cấp thông tin cho Tòa án cũng không xác định được giá thị trường đối với thửa 1001 tại thời điểm chuyển nhượng vào năm 2016. Theo văn bản số 55/TTPTQĐ ngày 22/6/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T về việc cung cấp thông tin cho Tòa án thì: Theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015 – 2019); Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016, Công văn số 202/UBND-NNTN ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 thì

thửa 1001 thuộc khu vực 3, vị trí 6 có giá 45.000 đồng/m² đối với đất ở và 30.000 đồng/m² đối với đất trồng cây hàng năm khác. Như vậy, thửa 1001 có diện tích 1.150m², trong đó có 200m² đất ở và 950m² đất trồng cây hàng năm khác, thành tiền là 37.500.000 đồng [(200m² x 45.000 đồng/m²) + (950m² x 30.000 đồng/m²)].

[2.6] Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng nguyên đơn nhận chuyển nhượng thửa 1001 với giá cao gấp đôi giá Nhà nước là hoàn toàn phù hợp, nên không thừa nhận lời trình bày của bị đơn về việc giá chuyển nhượng thửa 1001 theo giá thị trường tại thời điểm năm 2016 là 500.000.000 đồng.

[2.7] Xét việc ông H kháng cáo yêu cầu bà T phải trả lại quyền sử dụng thửa 1001 cho ông, thì ông sẽ trả cho bà T số tiền 385.000.000 đồng và tiền lãi từ trước đến nay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Biên bản làm việc ngày 17/7/2020 (bút lục 50, 51), Tòa án cấp sơ thẩm đã làm việc và giải thích quyền yêu cầu phản tố của ông H, bà H1. Tuy nhiên, ông H và bà H1 không thực hiện quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà H1 nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết. Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm cũng không thể xem xét, giải quyết.

[2.8] Từ những nhận định, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H, bà H1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.9] Về án phí: Ông H, bà H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng ông H, bà H1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ Điều 12, 14 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông H, bà H1.

[2.10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Ngọc H và bà Thới Thị H1, giữ nguyên bản án số 07/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, buộc ông Phan Ngọc H, bà Thới Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền 310.000.000 đồng (*ba trăm mười triệu*).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T, buộc ông Phan Ngọc H, bà Thới Thị H1 phải trả cho bà Trần Thị T số tiền 146.661.000 đồng (*một trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi một ngàn*) tiền lãi.

3. Về án phí: Ông Phan Ngọc H, bà Thới Thị H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bà Trần Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thu Lan